

Số phiếu:

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT**

(Thí sinh dự thi chỉ để lấy kết quả xét tuyển sinh ĐH, CĐ thì KHÔNG PHẢI khai Phiếu này;  
Thí sinh nộp Phiếu này tại nơi nộp Phiếu đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

**A. THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 02 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô bên trái)   Ngày   Tháng   Năm

3. Nơi sinh (Tỉnh hoặc thành phố): .....

4. Dân tộc (Ghi bằng chữ): .....

5. Số căn cước công dân số/ Chứng minh nhân dân (Ghi mỗi số vào một ô)

6. Thí sinh tự do (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu là thí sinh tự do)

7. Mã số định danh trên CSDL toàn ngành

**B. THÔNG TIN ĐỂ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT**

8. Điểm trung bình cả năm lớp 12: .....

9. Xếp loại cuối năm lớp 12: Hạnh kiểm:..... Học lực:.....

10. Hình thức giáo dục phổ thông: (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng) THPT  GDTX

Đối với hình thức GDTX, ghi rõ năm hoàn thành chương trình GDTX cấp THPT

11. Đối tượng miễn thi tốt nghiệp: (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng nếu thuộc đối tượng miễn thi tốt nghiệp)

12. Điểm khuyến khích được cộng thêm:

- Chứng nhận nghề hoặc Bằng tốt nghiệp trung cấp, xếp loại :....., điểm cộng: .....
- Đạt giải trong các kỳ thi (chọn giải cao nhất) do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn khác từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT, gồm:
  - + Thi học sinh giỏi các môn văn hoá: giải ....., điểm cộng:.....;
  - + Thi thí nghiệm thực hành (Vật lí, Hoá học, Sinh học), thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế: giải ....., điểm cộng:.....
- Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ: ....., điểm cộng: .....
- Chứng chỉ tin học trình độ: ....., điểm cộng: .....
- Tổng điểm được cộng thêm : .....(không quá 04 điểm)

13. Diện ưu tiên xét tốt nghiệp(Ghi kí hiệu theo diện hướng dẫn):

**C. HỒ SƠ KÈM THEO**

- |   |    |                          |       |                          |
|---|----|--------------------------|-------|--------------------------|
| 1. Học bạ:.....                                     | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 2. Giấy khai sinh (bản sao):.....                   | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 3. Bằng tốt nghiệp THCS hoặc trung cấp (bản sao):.. | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 4. Chứng nhận miễn thi tốt nghiệp:.....             | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 5. Chứng chỉ để miễn thi ngoại ngữ:.....            | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 6. Giấy chứng nhận nghề:.....                       | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 7. Giấy chứng nhận đạt giải trong các kỳ thi:...    | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 8. Chứng chỉ ngoại ngữ (GDTX): .....                | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 9. Chứng chỉ tin học (GDTX):.....                   | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 10. Giấy xác nhận điểm bảo lưu:.....                | Có | <input type="checkbox"/> | không | <input type="checkbox"/> |
| 11. Giấy tờ khác (nếu có):.....                     |    |                          |       |                          |

**D. CAM ĐOAN**

Tôi cam đoan những lời khai trong Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

**Ghi chú:** Sau ngày thi, mọi yêu cầu sửa đổi bổ sung nội dung lời khai sẽ không được chấp nhận.  
Ngày tháng năm 2023.  
Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

Ngày tháng năm 2023  
**Người nhận**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)  
.....  
.....

Ngày tháng năm 2023  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐKDT**  
(Ký tên và đóng dấu)  
.....  
.....

**Mặt sau:**

## **HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

### **I. DIỆN ƯU TIÊN XÉT TỐT NGHIỆP THPT**

*Thí sinh thuộc một trong các diện:*

#### **1. Diện 1: Không được cộng điểm ưu tiên.**

Còn gọi là diện bình thường.

*Ký hiệu: D1*

#### **2. Diện 2: Cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:**

- Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động dưới 81% (chỉ với GDTX); Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động. *Ký hiệu: D2-TB2*

- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con Bà mẹ VN anh hùng. *Ký hiệu: D2-CAH*

- Người dân tộc thiểu số.

*Ký hiệu: D2-TS2*

- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có nơi/hộ khẩu thường trú từ 03 năm trở lên (tính đến ngày thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất 2/3 (hai phần ba) thời gian học cấp THPT.

*Ký hiệu: D2-VS2*

- Người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học. *Ký hiệu: D2-CHH*

- Có tuổi đời từ 35 tuổi trở lên, tính đến ngày thi (đối với thí sinh GDTX).

*Ký hiệu: D2-T35*

#### **3. Diện 3: Cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:**

- Người dân tộc thiểu số, bản thân có nơi/hộ khẩu thường trú ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, đang học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương.

*Ký hiệu: D3-TS3*

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX).

*Ký hiệu: D3-TB3*

- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

*Ký hiệu: D3-CLS*

*\* Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên thì chỉ hưởng theo tiêu chuẩn cao nhất.*

### **II. ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH**

#### **1. Đạt giải cá nhân kỳ thi học sinh giỏi bộ môn văn hoá lớp 12:**

- Giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: 2,0 điểm.

- Giải khuyến khích cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh: 1,5 điểm.

- Giải ba cấp tỉnh: 1,0 điểm.

#### **2. Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:**

- Giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: 2,0 điểm.

- Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia hoặc Huy chương Bạc: 1,5 điểm.

- Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: 1,0 điểm.

*\* Giải đồng đội chỉ tính cho giải quốc gia, mức điểm cộng thêm giống như giải cá nhân.*

*\* Học sinh đạt nhiều giải khác nhau thì chỉ được hưởng mức cộng điểm của giải cao nhất.*

#### **3. Được cấp Giấy chứng nhận nghề (CCN) hoặc có Bằng tốt nghiệp trung cấp (BTC):**

- Loại giỏi (CCN)/loại xuất sắc và giỏi (BTC): 2,0 điểm.

- Loại khá (CCN)/loại khá và trung bình khá (BTC): 1,5 điểm.

- Loại trung bình: 1,0 điểm.

#### **4. Học viên GDTX có chứng chỉ Ngoại ngữ A hoặc bậc 1 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên; chứng chỉ Tin học A hoặc chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên: được cộng thêm 1,0 điểm cho mỗi loại chứng chỉ.**

*\* Điểm khuyến khích tối đa của các mục 1,2,3,4 trên không quá 4,0 điểm.*

*\* Điểm khuyến khích quy định của các mục 1,2,3,4 trên được bảo lưu trong toàn cấp học./.*

**III. LƯU Ý:** Thí sinh tự do tại Mục 6 là thí sinh thuộc điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế thi; Mục 7 trên phiếu đăng ký chỉ dành cho thí sinh đang học lớp 12 trong năm tổ chức thi, "Mã số định danh trên CSDL toàn ngành" do các trường phổ thông cung cấp.